

## TỔNG ÔN NGỮ PHÁP TIẾNG ANH

### Chuyên đề 1 – Thì động từ

#### II. The past tenses

**Exercise 9: Complete the following sentences using the past perfect forms of the verbs in brackets.**

**Question 1:** Before Sarah arrived, Eric \_\_\_\_\_ (go) home.

**Đáp án**

– Căn cứ vào cấu trúc của “before” đi với thì quá khứ hoàn thành: Before S + V (quá khứ đơn), S + V (quá khứ hoàn thành).

Về chứa “before” chia quá khứ đơn => về còn lại chia quá khứ hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: had gone.

– Dịch: Trước khi Sarah đến, Eric đã về nhà.

**Question 2:** When Jane arrived at the theater, the film \_\_\_\_\_ (start).

**Đáp án**

– Dịch: Khi Jane đến rạp chiếu phim, bộ phim đã bắt đầu rồi.

=> Diễn tả hành động xảy ra xong trước một hành động khác trong quá khứ ta chia thì quá khứ hoàn thành.

\*Note: Hành động “start” một bộ phim nó không thể chia ở thì tiếp diễn trong ngữ cảnh này, vì thế không thể chia theo dạng “một hành động đang diễn ra thì có một hành động khác chen vào”, nên không chia vị trí trống này ở dạng quá khứ tiếp diễn được.

=> **Đáp án là:** start -> had started

**Question 3:** He thanked me for everything I \_\_\_\_\_ (do) for him.

**Đáp án**

\* Dịch nghĩa: Anh ấy cảm ơn tôi vì mọi thứ tôi đã làm cho anh ấy.

\* Căn cứ vào:

- Hành động làm mọi thứ cho anh ấy diễn ra trước việc cảm ơn. => chia thì quá khứ hoàn thành.

\* Đáp án: had done.

**Question 4:** After Angelia \_\_\_\_\_ (eat) the cake, she began to feel sick.

**Đáp án**

– Căn cứ vào với cấu trúc của “after” đi với thì quá khứ hoàn thành:

**After S + V (quá khứ hoàn thành),**

**S + V (quá khứ đơn).**

Về không chứa “after” chia quá khứ đơn => về còn lại chia quá khứ hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: had eaten.

– Dịch: Sau khi Angelia ăn bánh, cô ấy bắt đầu cảm thấy ốm.

**Question 5:** When he went out to play, he \_\_\_\_\_ (do already) his homework.

**Đáp án**

– Căn cứ vào cấu trúc của “when” đi với thì quá khứ hoàn thành: When S + V (quá khứ đơn), S + V (quá khứ hoàn thành).

Về chứa “when” chia thì quá khứ đơn => Về còn lại chia thì quá khứ hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: **had already done**

– Dịch: Khi anh ấy ra ngoài chơi, anh ấy đã làm bài tập về nhà rồi.

**Question 6:** They \_\_\_\_\_ (be) married for two years or so when Roy employed a very attractive Indian secretary in his Glasgow office.

**Đáp án**

**Dịch nghĩa:** Lúc mà Roy thuê một thư kí hấp dẫn người Ấn Độ trong văn phòng Glasgow của ông ấy thì họ đã kết hôn được hai năm hoặc hơn.

+ việc “kết hôn” xảy ra trước việc “thuê thư kí” => chia thì quá khứ hoàn thành.

- Đáp án: **had been**

**Question 7:** Linda \_\_\_\_\_ (not study) for the exam, so she was very anxious.

**Đáp án**

- Căn cứ vào **cách dùng** của thì quá khứ hoàn thành: Khi hai hành động cùng xảy ra trong quá khứ, ta dùng thì quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước và quá khứ đơn cho hành động xảy ra sau.

Hành động xảy ra trước “không học tập chăm chỉ” => chia thì quá khứ hoàn thành.

=> **ĐÁP ÁN:** had not studied.

- Dịch: Linda đã không học tập chăm chỉ cho kì thi, vì vậy cô ấy rất lo lắng.

**Question 8:** I couldn't go into the cinema because I \_\_\_\_\_ (not bring) my tickets.

**Đáp án**

- Căn cứ vào cách dùng của thì quá khứ hoàn thành: Khi hai hành động cùng xảy ra trong quá khứ, ta dùng thì quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước và quá khứ đơn cho hành động xảy ra sau.

Hành động xảy ra trước “không mang theo vé” => chia thì quá khứ hoàn thành.

=> **ĐÁP ÁN:** hadn't brought.

- Dịch: Tôi đã không thể đi đến rạp chiếu bóng bởi vì tôi đã không mang theo vé.

**Question 9:** The man sitting next to me on the plane was very nervous. He never \_\_\_\_\_ (fly) before.

**Đáp án**

- Căn cứ vào dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành: before.

- Căn cứ vào động từ “was” ở câu thứ nhất

=> Hành động “chưa từng bay” tính tới thời điểm “lo lắng”. Mà hành động “lo lắng” chia ở quá khứ đơn thì hành động “chưa từng bay” phải xảy ra trước quá khứ đơn => chia quá khứ hoàn thành.

**Đáp án: fly -> had never flown**

- Dịch: Người đàn ông đang ngồi cạnh tôi trên máy bay rất lo lắng. Anh ấy chưa từng bay trước đó.

**Question 10:** The tornado knocked down the tree that we \_\_\_\_\_ (plant).

**Đáp án**

- Căn cứ vào cách dùng của thì quá khứ hoàn thành: Khi hai hành động cùng xảy ra trong quá khứ, ta dùng thì quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước và quá khứ đơn cho hành động xảy ra sau.

Hành động xảy ra trước “trồng cây” => chia thì quá khứ hoàn thành.

=> **ĐÁP ÁN:** had planted.

- Dịch: Cơn lốc xoáy đã làm đổ cái cây mà chúng tôi đã trồng.

**Question 11:** Laura \_\_\_\_\_ (not/use) smartphone before, so I showed her how to use it.

**Đáp án**

Căn cứ vào cách dùng của thì quá khứ hoàn thành: Khi hai hành động cùng xảy ra trong quá khứ, ta dùng thì quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước và quá khứ đơn cho hành động xảy ra sau.

Hành động xảy ra trước “không sử dụng điện thoại trước đây” => chia thì quá khứ hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: **hadn't used**

**Dịch:** Trước đây Lara chưa sử dụng điện thoại thông minh, vì vậy tôi đã chỉ cho cô ấy làm sao sử dụng nó.

**Question 12:** We weren't hungry. We \_\_\_\_\_ (just have) lunch.

**Đáp án**

– Căn cứ vào cách dùng của thì quá khứ hoàn thành: Khi hai hành động cùng xảy ra trong quá khứ, ta dùng thì quá khứ hoàn thành cho hành động xảy ra trước và quá khứ đơn cho hành động xảy ra sau. Hành động xảy ra trước “đã ăn trưa rồi” => chia thì quá khứ hoàn thành.

=> ĐÁP ÁN: **had just had.**

– Dịch: Chúng tôi không đói. Chúng tôi vừa mới ăn trưa rồi.

**Question 13:** We didn't really want to go and see the film again. We \_\_\_\_\_ (already see) it twice – so we said “no” and we went to a shopping mall instead!

**Đáp án**

**Dịch nghĩa:** Chúng tôi thực sự không muốn đi xem bộ phim đó nữa. Chúng tôi đã xem nó hai lần vì vậy chúng tôi nói “không”, thay vào đó chúng tôi đi mua sắm.

**Căn cứ vào:**

- đã xem phim đó hai lần => nhấn mạnh việc này đã xảy ra trước => chia thì quá khứ hoàn thành.

**Đáp án: had already seen**

**Question 14 [94180]** .When thieves stole my favorite feather wallet, I was really upset. I \_\_\_\_\_ (have) it for over five years.

**Đáp án**

- **Dịch nghĩa:** Khi những tên trộm lấy cắp ví lông yêu thích của tôi, tôi đã rất buồn. Tôi đã dùng nó hơn năm năm rồi.

- **Giải thích:**

Ta thấy việc sử dụng chiếc ví trong 5 năm xảy ra trước hành động tên trộm lấy trộm, mà hành động “lấy trộm” chia quá khứ đơn thì hành động “sử dụng ví” xảy ra trước quá khứ; đồng thời ta căn cứ vào quãng thời gian “for over five years”, ta dùng thì quá khứ hoàn thành tiếp diễn để nhấn mạnh quá trình của hành động.

=> **Đáp án: had been having**

**Question 15:** Before going to the meeting, he \_\_\_\_\_ (consult) with his lawyers.

**Đáp án**

\* **Dịch nghĩa:** Trước khi đi đến buổi họp, anh ấy đã hỏi ý kiến những luật sư của mình.

\* Việc “anh ấy hỏi ý kiến” xảy ra trước việc đến buổi họp. => chia thì quá khứ hoàn thành.

\* **Đáp án: had consulted.**